

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 14/2/2025

V/v “TrA chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang

2. Bà Thi Thị ThA Trúc

- Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phụng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngày 14 tháng 2 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về “TrA chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Tú A, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Ông Yễn, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp cho bà Tú A: Nguyễn Thị Ngọc Giàu, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn D, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bà Liêm, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Lê Thị Tú A và tự khai của Nguyễn Thị Ngọc Giàu được bà Tú A ủy quyền như sau:

Vào năm 2019 vợ chồng ông Nguyễn Văn D có đến cửa hàng của bà Lê Thị Tú A mua vật tư để xây dựng tổng cộng số tiền 234.939.000 đồng. Đến ngày 23/2/2023 ông D trả cho bà Tú A được 178.939.000 đồng. Còn nợ lại 56.000.000 đồng đến nay không trả. Ông D có viết biên nhận nợ. Nay bà Tú A yêu cầu ông D

phải trả số tiền 56.000.000 đồng. Lãi tính 0,83%/ tháng, tính đến ngày 24/8/2024 là 18 tháng số tiền 8.366.000 đồng.

Phía ông Nguyễn Văn D: Đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tú A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự “TrA chấp hợp đồng mua bán”. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chỉ Giàu được bà Tú A ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông D đã được triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tú A. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Vào năm 2019 ông D có mua vật tư xây dựng của bà Tú A tổng cộng số tiền 234.939.000 đồng. Đến ngày 23/2/2023 ông D trả cho bà Tú A được 178.939.000 đồng. Còn nợ lại 56.000.000 đồng đến nay không trả. Ông D có viết giấy nhận nợ nên hợp đồng mua bán giữa bà Tú A và ông D là có thật. Ông D không có trả tiền cho bà Tú A như hai bên thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Tú A nên bà Tú A khởi kiện yêu cầu ông D trả số tiền 56.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Hội đồng xử án xét thấy bà Tú A yêu cầu ông D phải trả lãi 18 tháng, lãi suất 0,83%/tháng số tiền 8.366.000 đồng là có căn cứ chấp nhận cũng phù hợp với điều 375 Bộ luật dân sự

[3] Về án phí: Bà Tú A không phải chịu án phí vì yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông D phải chịu án phí 5% đối với số tiền phải trả cho bà Tú A nhưng do ông D là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430; 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tú A

Buộc ông Nguyễn Văn D trả cho bà Lê Thị Tú A số tiền 56.000.000 đồng gốc và lãi là 8.366.000 đồng. Tổng cộng là 64.366.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Tú A số tiền tạm ứng án phí nộp tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành số tiền 1.609.000đồng, ngày 07/10/2024, biên lai số 0009408. Miễn nộp án phí cho ông Nguyễn Văn D theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

Án xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng

